	Tham số					
Cảng HK	**Nhà Ga Quốc Tế**		**Nhà Ga Nội Địa**		**Sân đỗ**	**Runway**
	Đi (chuyến)	**Đến (chuyến)**	**Đi (chuyến)**	**Đến (chuyến)**		
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài	**10**	**11**	**16**	**24**	Tàu bay code F (B747-800 hoặc tương đương) : 10 vị trí Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương) : 28 vị trí Tàu bay code D (B767-400 hoặc tương đương) : 02 vị trí Tàu bay code C (A320, A321, AT7 hoặc tương đương :) : 71 vị trí Tàu bay code A, B: 06 vị trí	Thời gian từ 0600-2355 LT: 42 chuyến/60 phút. Thời gian từ 0000-0555 LT: 32 chuyến/60 phút.
Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	**14**	**12**	**24**	**21**	Tàu bay code F (B747-800 hoặc tương đương) : 01vị trí Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương) : 21 vị trí Tàu bay code C (A321 hoặc tương đương :) : 58 vị trí	Thời gian từ 0600-2355 LT: 42 chuyến/60 phút. Thời gian từ 0000-0555 LT: 32 chuyến/60 phút.

Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh	**10**	**12**	**8**	**10**	Tàu bay code E và tương đương : 9 vị trí Tàu bay code D và tương đương : 2 vị trí Tàu bay code C và tương đương : 22 vị trí	24 chuyến/60 phút (sử dụng 2 đường CHC) 20 chuyến/60 phút (sử dụng 1 đường CHC)
Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	**2**	**2**	**4-6**	**4**	Tàu bay code E (B 747-400 hoặc tương đương) : 6 vị trí Tàu bay code C (A321 hoặc tương đương) : 14 vị trí	18 chuyến/60 phút, trong đó: 12 chuyến đi va 6 chuyến đến
Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi	**2**	**2**	**4-6**	**4-6**	Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương) : 4 vị trí Tàu bay code C (A320, A321, AT7 hoặc tương đương): 17 vị trí	17 chuyến/60 phút
Cảng hàng không quốc tế Phú Bài	**1**	**1**	**3-4**	**3-4**	Tàu bay A320/A321 hoặc tương đương : 08 vị trí	12 chuyến/60 phút
Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ	**2**	**2**	**3**	**3**	Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương) : 5 vị trí Tàu bay code C (A320, A321, AT7 hoặc tương đương): 9 vị trí	10 chuyến/60 phút

Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn	**2**	**2**	**2**	**2**	Tàu bay B777/B747-400 hoặc tương đương : 3 vị trí Tàu bay A320/A321 hoặc tương đương : 6 vị trí Tàu bay ATR và tương đương: 01 vị trí	17 chuyến/60 phút
Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	**9**	**10**	**15**	**15**	Tàu bay B777, B747-400 hoặc tương đương : 13 vị trí Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 20 vị trí Tàu bay F70, AT7 hoặc tương đương : 13 vị trí	30 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Thọ Xuân	**1**	**1**	**2**	**2**	Tàu bay A320/A321 hoặc tương đương : 6	17 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Điện Biên			**1**	**1**	Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 3 vị trí Tàu bay F70, AT72 hoặc tương đương : 1 vị trí	4 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Phù Cát			**3**	**4**	Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 8 vị trí	13 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Pleiku			**2**	**3**	Tàu bay code C: 8 vị trí	10 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Tuy Hòa			**2**	**2**	Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 03 vị trí	8 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Chu Lai			**2**	**2**	Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 8 vị trí	12 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Buôn Mê Thuột			**3**	**5**	Tàu Code C (A321 hoặc tương đương) : 5 vị trí	11 chuyến/60 phút

Cảng hàng không Rạch Giá			**2**	**3**	ATR72 hoặc tương đương : 4 vị trí, Chỉ khai thác đồng thời tối đa 2 vị trí đỗ	11 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Cà Mau			**2**	**2**	Tàu bay Code A,B: 4	11 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Côn Sơn			**2-3**	**3**	Tàu E195 và tương đương: 02 vị trí Tàu ATR72 hoặc tương đương: 04 vị trí	12 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Vinh	**1**	**1**	**4**	**4**	Tàu bay A320/A321 hoặc tương đương : 6 vị trí ,	17 chuyến/60 phút bất kỳ
Cảng hàng không Liên Khương	**2**	**2**	**3**	**4**	Tàu bay code C (A321 hoặc tương đương) : 09 vị trí Tàu bay Code D: 02 vị trí	12 chuyến/60 phút
Cảng hàng không Đồng Hới			**2**	**2**	Tàu bay A320, A321 hoặc tương đương : 4 vị trí Tàu bay F70, AT72 hoặc tương đương : 1 vị trí	8 chuyến/60 phút